

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2024/DS-PT

Ngày: 17-6-2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản và Đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

- Bà Đặng Thị Đồng;
- Bà Phạm Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 6 và ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1962; cư trú tại: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị B: Chị Võ Thị Phương T, sinh năm 1999; nơi đăng ký HKTT: Tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên hệ: Số A, đường P, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 09-02-2023); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B: Ông Trần Chí K, Luật sư của Công ty L – Chi nhánh thành phố H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ Anh D, sinh năm 1992 và chị Nguyễn Thị Chúc P, sinh năm 1991; cư trú tại: Số A, Khu phố E, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nơi làm việc: Số A, đường N, Khu phố A, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: hẻm S, đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Võ Anh D và chị Nguyễn Thị Chúc P: Anh Nguyễn Minh P1, sinh năm 1992; cư trú tại: ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 10-6-2024); có mặt.

Người kháng cáo: Anh Võ Anh D, là bị đơn.

Kháng nghị của: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2023 của nguyên đơn bà Trần Thị B và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà B, chị Võ Thị Phương T trình bày: Do quen biết nhau từ trước, nên bà B có cho anh D, chị P vay nhiều lần số tiền tổng cộng 1.250.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 16-11-2019, bà B cho anh D, chị P vay 300.000.000 đồng để làm vốn; hai bên có thỏa thuận lãi suất từ 1,5%/tháng đến 02%/tháng; không thỏa thuận thời hạn trả nợ.

- Ngày 19-3-2021, bà B cho anh D, chị P vay 750.000.000 đồng để làm vốn mua bán đất, hai bên thỏa thuận theo mức lãi suất Quỹ tín dụng cao su 12,6%/năm; không thỏa thuận thời hạn trả nhưng có thỏa thuận khi nào bà B cần sử dụng tiền sẽ báo trước 02 tháng.

- Ngày 22-3-2021, bà B tiếp tục cho anh D, chị P vay số tiền 200.000.000 đồng, mọi cam kết thỏa thuận như vay số tiền 750.000.000 đồng.

Đến nay anh D, chị P chưa trả tiền vay cho bà B, chỉ trả được tiền lãi cụ thể như sau: Đối với số tiền vay 750.000.000 đồng và 200.000.000 đồng, anh D, chị P chuyển khoản trả tiền lãi cho bà B được 89.500.000 đồng (anh D chuyển khoản vào số tài khoản 5703205168070 tại Ngân hàng A từ tháng 3-2021 đến tháng 10-2021, có bảng kê tài khoản); riêng đối với số tiền 300.000.000 đồng anh D, chị P chưa trả tiền lãi. Bà B khởi kiện yêu cầu anh D, chị P có trách nhiệm trả số tiền vay tổng cộng 1.250.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể như sau:

- Đối với số tiền vay 750.000.000 đồng và 200.000.000 đồng, bà B yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng, bà B yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01-11-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn, anh Võ Anh D và chị Nguyễn Thị Chúc P trình bày: Anh, chị và bà B không có quan hệ họ hàng, chỉ quen biết nhau. Anh, chị có vay tiền của bà B, nhưng đã trả hết nợ, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền vay 750.000.000 đồng, không xác định mức lãi suất, nhưng có thỏa thuận tiền lãi mỗi tháng anh, chị trả cho bà B từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, mục đích vay là để đầu tư tiền ảo cùng với bà B; không thỏa thuận thời hạn trả; nhưng đến ngày **09-8-2021** vợ chồng anh, chị đã trả tiền cho bà B; trả bằng tiền ảo, bà B có xác nhận đã nhận đủ số tiền này.

- Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất; hạn thời gian trả nợ khoảng 03 tháng đến 04 tháng kể từ ngày vay; mục đích vay tiền để làm đường phân lô, tách thửa chuyển nhượng đất. Anh chị đã trả bằng tiền mặt số tiền này và tiền lợi nhuận 100.000.000 đồng cho bà B;

- Đối với số tiền 200.000.000 đồng, anh chị không vay của bà B.

Khi giao dịch chuyển tiền cho bà B qua số tài khoản 19036128339014 tại ngân hàng T1, cụ thể:

+ Ngày 20-11-2021, anh chị chuyển khoản trả cho bà B 150.000.000 đồng, số tiền này bà B nhờ anh, chị mua dùm B1.

+ Ngày 16-11-2021, anh chị chuyển cho bà B 20.000.000 đồng, là tiền cho bà B mượn, nhưng anh chị không yêu cầu bà B trả lại.

+ Ngày 01-10-2021, anh chị chuyển cho bà B 20.000.000 đồng, là tiền cho bà B mượn, nhưng anh chị không yêu cầu bà B trả lại.

Anh chị có trả tiền lãi của số tiền vay 750.000.000 đồng từ tháng 04-2021 đến ngày 06-8-2021, tổng cộng 76.500.000 đồng. Anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 166, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với anh Võ Anh D và chị Nguyễn Thị Chúc P về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản”.

+ Buộc anh Võ Anh D và chị Nguyễn Thị Chúc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền 300.000.000 đồng.

+ Buộc anh Võ Anh D và chị Nguyễn Thị Chúc P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị B tổng cộng số tiền 1.129.499.953 đồng, trong đó tiền vay 950.000.000 đồng, tiền lãi 179.499.953 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-01-2024, anh Võ Anh D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04 ngày 19-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố TN, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, vì vợ chồng anh đã trả hết nợ cho bà B.

Ngày 02-02-2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 19-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh cho rằng, đối với số tiền 300.000.000 đồng bà B khai là tiền vay nhưng không có chứng cứ chứng minh, trong khi nội dung giấy giao tiền thể hiện hùn vốn mua đất, có lãi và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận là tiền hùn mua đất và phải trả lãi nên xác định giữa bà B với anh D, chị P có việc hùn vốn mua đất và thỏa thuận lợi nhuận bằng cách trả lãi, do không thống nhất về lãi suất và bà B yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận. Tòa án xác định tranh chấp “Đòi tài sản” và không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà B đối với anh D, chị P số tiền này là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B.

Đối với số tiền 950.000.000 đồng, bà B yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01-11-2021 đến ngày 18-01-2024, nhưng Tòa án lại tính lãi suất của số tiền 750.000.000 đồng từ ngày 19-3-2021 đến ngày 18-01-2024 và số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 22-3-2021 đến ngày 18-01-2024 dẫn đến số tiền lãi anh D, chị P phải trả nhiều hơn so với yêu cầu của bà B là giải quyết không đúng với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

Các vi phạm trên của Tòa án là đánh giá chứng cứ vụ án không khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ về tài sản, án phí đương sự phải chịu. Tòa án tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà

B, nhưng không buộc bà B chịu một phần chi phí giám định, mà buộc anh D, chị P chịu toàn bộ chi phí giám định là không đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của anh D, chị P cho rằng: Đối với số tiền 300.000.000 đồng theo giấy giao tiền ngày 16-11-2019, giấy vay tiền là đúng theo quy định của pháp luật, nhưng nội dung là giả tạo, vì trong giấy giao tiền này có ghi số Giấy CMND của anh D, nhưng được cấp năm 2021, trong khi giấy giao tiền viết năm 2019; giấy giao tiền có chỉnh sửa, nhiều màu mực do viết thêm và do một người cùng viết ra, theo kết luận giám định. Theo lịch trình di chuyển của anh D ngày 16-11-2019 thể hiện trên Google map không đến nhà bà B tại xã H để ký nhận số tiền 300.000.000 đồng. Anh D thừa nhận trong giấy nợ này có chữ ký của anh, nhưng ký vào tờ giấy trắng vì anh D có thuê đất của bà B, để bà B làm hồ sơ chứng minh có tài sản để vay tiền ngân hàng. Anh D, chị P đã cung cấp cho Tòa án nhiều tin nhắn điện thoại qua ứng dụng zalo đã thanh toán xong số tiền này cho bà B.

Giấy vay tiền 750.000.000 đồng là giả tạo, vì đây là số tiền bà B đầu tư tiền điện tử B2; giữa bà B và anh D có mối quan hệ tình cảm thân thiết gọi nhau mẹ, con nên sau đó bà B có cho anh D tham gia 750.000.000 đồng, trong tổng số tiền 1.500.000.000 đồng bà B đã đầu tư tiền điện tử B2, nhưng anh D phải viết giấy nợ với bà B số tiền này cùng thời gian bà vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Thạnh; anh D có chuyển khoản trả lãi cho số tiền vay 750.000.000 đồng theo thỏa thuận; từ năm 2021 đến năm 2022 bà B và anh D có nhiều tin nhắn zalo thể hiện việc bà B, anh D tham gia tiền điện tử Bitcoin; trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà B không thừa nhận có tham gia tiền điện tử B2, đến giai đoạn phúc thẩm bà B lại thừa nhận mình có tham gia; ngày 06-8-2021, anh D đã chuyển trả cho bà B 30.000 đô la Mỹ, tương đương 726.000.000 đồng (tại thời điểm này giá 01 đô la Mỹ = 24.200 Việt Nam đồng) và trả bằng tiền mặt 24.000.000 đồng.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng, anh D, chị P không vay của bà B, vì sau khi ký vay bà B không nhắc gì đến số tiền này. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Dũng, chị P thống nhất với tranh luận của người đại diện, không bổ sung thêm ý kiến.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, vì tại phiên tòa sơ thẩm, anh D, chị P thừa nhận có vay tiền của bà B theo các giấy nợ; anh D có cùng bà B đến Quỹ tín dụng rút tiền; theo giấy nợ năm 2019, cho rằng có nhiều màu mực nhưng chốt lại anh D cùng bà B xác nhận anh D có vay 300.000.000 đồng này. Đến nay các giấy

nợ vẫn chưa bị hủy bỏ, nên có căn cứ chứng minh rằng anh D, chị P chưa trả nợ cho bà B. Bà B có tham gia đầu tư tiền điện tử B2 với anh D, nhưng không liên quan đến số tiền vay theo các giấy vay tiền này. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bà B thống nhất với ý kiến của Luật sư, không bổ sung ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Anh Dũng, chị P thừa nhận có nhận số tiền 300.000.000 đồng, nhưng không phải ngày 16-11-2019, mà vay khoảng năm 2020 để hùn mua đất, sau khi chuyển nhượng đất anh D đã trả xong 300.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lời, được thể hiện qua tin nhắn giữa bà B và anh D. Bà B xác định đây là số tiền khác, không liên quan đến số tiền vay ngày 16-11-2019. Anh Dũng, chị P cho rằng giấy giao tiền này là không có thật, do bà B giả mạo nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó kháng cáo của anh D cho rằng trả xong số tiền trên là không có cơ sở.

Đối với số tiền 750.000.000 đồng. Anh D khai, bà B tham gia đầu tư tiền điện tử B2 và chia cho anh số tiền 750.000.000 đồng (là tiền điện tử) để cùng tham gia, không phải tiền vay. Bà B sợ rủi ro nên yêu cầu anh viết giấy vay và anh D cũng xác định đã trả xong và cung cấp tin nhắn zalo thể hiện bà B và anh D có tham gia tiền điện tử Bitcoin trên mạng và chuyển trả số tiền 30.000 USD (bitcoin) tương đương 750.000.000 đồng.

Theo quy định pháp luật Việt Nam, tiền điện tử B2 không phải là tiền tệ và không phải là phương tiện thanh toán hợp pháp theo quy định. Anh D cho rằng nhận số tiền 750.000.000 đồng là tiền điện tử nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi giấy vay tiền thể hiện 750.000.000 đồng là tiền mặt, vay với mục đích buôn bán đất và trình bày đã thanh toán cho bà B bằng tiền điện tử Bitcoin là không có căn cứ, không được pháp luật công nhận. Mặt khác, nội dung giấy vay tiền do anh D ký tên, có nội dung “*khi nào bên B trả hết số tiền trên thì giấy sẽ hủy trước mặt hai bên cùng chứng kiến*”. Do đó, anh D kháng cáo cho rằng đã trả xong bằng tiền điện tử Bitcoin, là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với số tiền 200.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm anh D thừa nhận có vay bằng tiền mặt số tiền này và đã trả xong, nhưng anh D không cung

cấp được chứng cứ chứng minh, do đó kháng cáo của anh D không có cơ sở chấp nhận.

Đối với Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của B không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay 300.000.000 đồng và đồng ý với bản án sơ thẩm đối với lãi suất của số tiền vay 950.000.000 đồng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm; không yêu cầu tính từ ngày 01-11-2021 nữa, vì trước đó đã nhận số tiền lãi 89.500.000 đồng. Đương sự thống nhất cách tính lãi theo bản án sơ thẩm, nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đối với yêu cầu tính lại tiền lãi là không còn cần thiết. Các đương sự không kháng cáo phần chi phí tố tụng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25-01-2024, anh Võ Anh D làm đơn kháng cáo gửi đến Tòa án; xét kháng cáo của anh D đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ngày 02-02-2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 19-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh là đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Giữa bà Trần Thị B và anh Võ Anh D có mối quan hệ thân thiết thể hiện qua tin nhắn gọi nhau là mẹ, con; chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Giấy giao tiền ngày 16-11-2019; Giấy vay tiền ngày 19-3 và ngày 22-3-2021 giữa bà B với anh D, cụ thể như sau:

- Ngày 16-11-2019, anh Võ Anh D ký nhận số tiền 300.000.000 đồng của bà Trần Thị B vào “Giấy giao tiền cho con Võ Anh D” để hùn vốn mua bán đất;

- Ngày 19-3-2021, tại H, anh Võ Anh D ký nhận số tiền 750.000.000 đồng của bà Trần Thị B vào “Giấy vay tiền” để buôn bán đất, thỏa thuận lãi suất trả hằng tháng theo lãi suất tín dụng cao su, khi nào cần lấy lại sẽ báo trước 02

tháng, bên B (anh D) sẽ hoàn trả lại đầy đủ theo đúng cam kết giữa hai bên đã thỏa thuận...

- Ngày 22-3-2021, cũng tại H, anh Võ Anh D ký vào phần cuối của “Giấy vay tiền” ngày 19-3-2021 có nội dung: Do kẹt tiền làm ăn nên con tôi lại tới vay tiếp 200.000.000 đồng và mọi cam kết cũng như trên, chỉ là lần 02 này vay chỉ 01 tháng là hoàn trả.

[3] Khi giải quyết vụ án, anh D thừa nhận chữ ký và ghi họ, tên “Võ Anh D” trong “Giấy giao tiền cho con Võ Anh D” và “Giấy vay tiền” do anh ký và viết họ, tên, nhưng thời điểm viết nội dung giấy giao tiền, giấy vay tiền là khác nhau, anh ký vào giấy trắng do bà B viết thêm nội dung đối với số tiền vay 200.000.000 đồng, nên anh D yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định về nội dung giấy giao tiền và giấy vay tiền viết có cùng thời gian anh ký tên không, tại Kết luận giám định số 4940/KL-KTHS ngày 24-8-2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, Bộ C kết luận: Giấy giao tiền cho con: Võ Anh D ngày 16-11-2019, ký hiệu A1 và Giấy vay tiền đề ngày 19-3-2021, ký hiệu A2, như sau:

“1. Chữ viết tại mặt trước của tài liệu cần giám định ký hiệu A1 là do cùng một người viết ra;

2. Chữ viết có nội dung bắt đầu và kết thúc: “Cộng hòa xã hội...Hạnh phúc”, “cho con: Võ Anh D”; chữ viết có nội dung: “16-11-2019”, “072162002035”, “28/06/2021/Cục Cảnh sát”, “Võ Anh Dũng/ Sinh: 10-08-1992”, “042092000018”, “27-12-2021/Cục Cảnh sát”, “18-Khu phố E-Phường C- Tp T-Tây Ninh”, “cùng hùng với nhau”, “chúng” (dòng 6 từ dưới lên), nội dung bắt đầu và kết thúc: “300 000 000 triệu này là...phần trăm lãi thôi”; chữ viết còn lại tại mặt trước tài liệu cần giám định ký hiệu A1 là không cùng màu mực;

3. Không xác định được chữ viết tại nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Anh D” dưới dòng “- (2) Bên B: (người nhận tiền: Võ Anh D) ký” trên cùng tài liệu ký hiệu A1 là có cùng hay không cùng thời điểm ký, viết ra;

4. Không xác định được chữ viết tại nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Anh D” dưới mục: “2) Bên B: Người vay ký”, “2) Bên B: Người vay ký tên” trên cùng tài liệu ký hiệu A2 là có cùng hay không cùng thời điểm ký, viết ra;

5. Không xác định được chữ viết có nội dung “để làm ăn buôn bán đất” (mặt trước, dòng thứ 7 từ dưới lên) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Anh D” dưới mục: “2) Bên B: Người vay ký”, “2)

Bên B: Người vay ký tên” trên cùng tài liệu ký hiệu A2 là có cùng hay không cùng thời điểm ký, viết ra”.

Sau khi có kết luận giám định, anh D, chị P không thắc mắc, khiếu nại.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm nhiều tin nhắn điện thoại qua ứng dụng zalo giữa anh và bà B để chứng minh anh đã thanh toán xong số tiền nợ 300.000.000 đồng và 750.000.000 đồng cho bà B, thể hiện:

[4.1] Về số tiền 300.000.000 đồng theo “Giấy giao tiền cho con Võ Anh D” ngày 16-11-2019 là để nhằm hợp thức hóa số tiền trước đó bà B giao cho anh D để hùn vốn mua đất, vì theo nội dung giấy giao tiền, có ghi căn cước công dân của anh D được cấp ngày 27-12-2021, sau ngày nhận tiền hơn 02 năm; kết luận giám định giấy giao tiền do cùng một người viết ra, nhưng không cùng màu mực; ngày 16-11-2019 thể hiện trên Google map lịch trình di chuyển của anh D không đến nhà bà B tại xã H để ký vay số tiền 300.000.000 đồng. Tại Bản tường trình ký ngày 29-02-2024 (BL88, phúc thẩm), anh D thừa nhận có nhận số tiền 300.000.000 đồng của bà B khoảng tháng 10-2020, không phải nhận ngày 16-11-2019 là phù hợp với chứng cứ đã nêu. Các tin nhắn giữa anh D, bà B thể hiện: Tại (BL63, phúc thẩm) anh D nhắn tin cho bà B lúc 21 giờ 25 phút không thể hiện ngày, tháng, năm có nội dung: *“Dạ con thừa với má, số tiền 300tr con cho má hùn mua phân lô ở C con đã hoàn đủ 300tr và 100tr lợi nhuận tương ứng 30% rồi nha”*; tại BL82, phúc thẩm) bà B nhắn tin cho anh D lúc 21 giờ 45 phút, không thể hiện ngày, tháng có nội dung *“Cọc xong là con bán...rùi con lấy tiền hết toàn bộ xong hết 28 lộ cả nửa năm đưa ma được 100tr. Đã đưa không đúng lời hứa”*. Như vậy, việc bà B giao tiền cho anh D 300.000.000 đồng với mục đích để hùn vốn kinh doanh đất và chia lợi nhuận; bà B không phản đối việc anh D nhắn tin trả đủ 300.000.000 đồng, chỉ thắc mắc chia lợi nhuận không đúng lời hứa. Với những chứng cứ trên, xác định anh D đã thanh toán xong cho bà B số tiền hùn vốn mua đất 300.000.000 đồng theo Giấy giao tiền cho con ngày 16-11-2019 và tiền lợi nhuận 100.000.000 đồng.

[4.2] Ngày 19-3-2021, bà B ký Hợp đồng tín dụng vay tại Q (viết DTDND) Hiệp Thạnh số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 12,6%/năm để tham gia đầu tư trên sàn giao dịch tiền điện tử Bitcoin được thể hiện trên các tin nhắn zalo giữa bà B với anh D. Sau đó bà B đồng ý cho anh D tham gia số tiền 750.000.000 đồng, trong tổng số tiền bà B đã đầu tư tiền điện tử. Để đảm bảo nghĩa vụ trả tiền, anh D phải ký giấy vay của bà B số tiền 750.000.000 đồng tại thời điểm bà B vay tại QTDND H ngày 19-3-2021 và thỏa thuận lãi suất theo tín dụng. Đến tháng 8-2021, bà B nhắn tin yêu cầu anh D trả lại tiền vay này, thể hiện: Tại (BL77, phúc thẩm) bà B nhắn tin cho anh D lúc 10

giờ 44 phút ngày 06-8-2021 có nội dung: “Vời lại c oi tính cái 750tr theo đó này cho m luôn đi rùi bảo m biết nhé. Vì hiện tại m rất kết tiền hụi tôi lại tiền ng lại TD nữa kết làm c oi”; vào lúc 11 giờ 27 phút cùng ngày anh D nhắn tin cho bà B (BL76, phúc thẩm) có nội dung: *Giá đô hôm nay 24,2; 30.000 đô x 24,2 = 726.000 tr. D còn thiếu 24.000 tương đương 991,7 đô; má muốn lấy tiền mặt thì má lấy con chuyển cho má. Còn mà không nhận tiền mặt thì con trừ đô ra cho má*; vào lúc 13 giờ 34 phút ngày 06-8-2021 anh D nhắn tin cho bà B (BL75, phúc thẩm) có nội dung: *“con chuyển tiền qua gói mới cho má rồi nhé má*”; lúc 14 giờ 06 phút cùng ngày bà B nhắn tin cho anh D có nội dung: *“Má thấy rùi; C cho lại tên TKh và mật khẩu như m nói lại đi, vì mở như c cho thì được mà như m nói thì không được”*. Sau đó, từ ngày 09-8-2021 đến ngày 31-8-2021 giữa bà B và anh D có nhiều tin nhắn cho nhau thể hiện, bà B nhờ anh D phụ bà để có tiền đóng hụi, trả tiền lãi; tại tin nhắn lúc 16 giờ 20 phút ngày 31-8-2021 (BL71, phúc thẩm) bà B nhắn tin cho anh D có nội dung: *“C phụ m thg này m biết ơn con lắm; chứ thực tế c đã xong hết rồi”*. Điều đó thể hiện, số tiền 750.000.000 đồng anh D ký vay của bà B ngày 19-3-2021 là tiền điện tử Bitcoin bà B đang đầu tư trên sàn giao dịch, nên bà B khai cho anh D vay bằng tiền mặt để *“...làm ăn buôn bán đất”* là không có cơ sở và số tiền vay này anh D đã chuyển trả xong cho bà B từ ngày 06-8-2021. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B xác định giữa bà B và anh D có tham gia đầu tư trên sàn giao dịch tiền điện tử Bitcoin, không liên quan đến số tiền vay 750.000.000 đồng ngày 19-3-2021, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà B, anh D còn tham gia gói đầu tư tiền điện tử Bitcoin nào khác.

[5] Xét kháng cáo của anh D về số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 22-3-2021, anh D thừa nhận có ký tên và ghi họ, tên vào giấy vay này, thực tế anh không nhận tiền nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, anh D cung cấp Bản tường trình ký ngày 29-02-2024 (BL88, phúc thẩm) thừa nhận ngày 19-3-2021 anh có hỏi vay thêm của bà B 200.000.000 đồng, nhưng do chưa có tiền, bà B hẹn đến ngày 22-3-2021 đến nhà bà nhận tiền, nên làm giấy ký tên luôn để hôm sau khi đến lấy tiền không phải ký, nhưng ngày 22-3-2021 do bận gặp khách hàng không đến nhà bà B nhận tiền, sau khi xử lý xong công việc anh không đến nhận tiền, nhưng anh không nhớ đến nội dung này nên không yêu cầu bà B xác nhận là anh không có vay 200.000.000 đồng. Tại bản tường trình ngày 10-5-2024 (BL113, phúc thẩm), anh D, chị P thừa nhận không có chứng cứ thể hiện đã trả số tiền 200.000.000 đồng, nếu bà B đồng ý anh, chị trả thêm một lần nữa số tiền 200.000.000 đồng, với điều kiện bà B cam kết giữa hai bên không còn nợ nhau. Xét các lời khai của anh D, chị P trong quá trình giải quyết vụ án không thống nhất, mâu thuẫn với nhau, nên có cơ sở chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của bà B đối với số tiền vay 200.000.000 đồng. Đồng thời, anh D, chị P có nghĩa vụ trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật; lãi suất được tính: 200.000.000 đồng X 10%/năm X 33 tháng 27 ngày (từ ngày 22-3-2021 đến ngày 18-01-2024) = 56.274.000 đồng.

[6] Với chứng cứ có trong hồ vụ án, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo anh D đối với số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy giao tiền cho con ngày 16-11-20219 và 750.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 19-3-2021. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh D là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chấp nhận một phần kháng cáo anh D; sửa bản án sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 02-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 19-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị này.

[8] Về án phí: Ngày 14-02-2023, bà B nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án số tiền 28.174.000 đồng. Khi xét xử, cấp sơ thẩm xác định bà B không phải chịu tiền án phí, nhưng không tuyên trả số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Anh Dũng, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh D không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 166, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148, 161, 289, 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Võ Anh D; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 19-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Đòi tài sản” đối với anh Võ Anh D và chị Nguyễn Thị Chúc P.

Buộc anh Võ Anh D và chị Nguyễn Thị Chúc P có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B số tiền vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 56.274.000 đồng (năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng 256.274.000 đồng (hai trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh D, chị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Chấp nhận rút kháng nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 02-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

4. Về chi phí giám định: Số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), anh Võ Anh D và chị Nguyễn Thị Chúc P phải chịu; ghi nhận anh D, chị P đã nộp và chi phí xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Anh Võ Anh D và chị Nguyễn Thị Chúc P phải chịu 12.813.700 đồng (mười hai triệu, tám trăm mười ba nghìn, bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Bà Trần Thị B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 28.174.000 đồng (hai mươi tám triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001760 ngày 14-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Anh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002349 ngày 29-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND tp TN;
- CCTHADS tp TN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Vũ